

Số: 235 /2009/TTLT/ BTC-BGTVT-BTTTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2009

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin hải quan,
thông tin về người nộp thuế trong lĩnh vực hải quan, thuế, giao thông vận
tải, thông tin và truyền thông**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ,

Liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc trao đổi và cung cấp thông tin hải quan, thông tin về người nộp thuế như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc trao đổi, cung cấp thông tin hải quan, thông tin về người nộp thuế trong lĩnh vực thuế, hải quan, giao thông vận tải, thông tin và truyền thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế các cấp trực thuộc Bộ Tài chính.
2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp và sử dụng thông tin

1. Việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa các bên là quan hệ hợp tác, phối hợp.

2. Các thông tin được cung cấp, trao đổi phải đảm bảo tính chính thống, kịp thời, đầy đủ, chính xác để khai thác và sử dụng đúng mục đích và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực hải quan, thuế, giao thông vận tải, thông tin và truyền thông.

3. Việc cung cấp, trao đổi thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước trong các lĩnh vực chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Chương II CUNG CẤP VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 4. Thông tin trong lĩnh vực hải quan

1. Thông tin về cơ chế, chính sách quản lý:

- a) Văn bản, chính sách quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu;
- b) Văn bản quy phạm pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế có liên quan đến hàng hoá xuất nhập khẩu;
- c) Thông tin về tuyến đường vận chuyển hàng hoá chuyên cửa khẩu.

2. Thông tin về thực thi chính sách, pháp luật:

- a) Số liệu hàng hoá xuất nhập khẩu: số lượng, kim ngạch, trị giá hàng hoá xuất nhập khẩu, nước xuất khẩu, nước nhập khẩu;
- b) Thông tin về doanh nghiệp vi phạm pháp luật hải quan, doanh nghiệp bỏ trốn; thông tin về doanh nghiệp vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông (liên quan đến hàng cấm nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu, giấy chứng nhận hợp quy);
- c) Thông tin về chấp hành pháp luật thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp;
- d) Thông tin về giá tính thuế;
- đ) Thông tin về chủng loại, biên kiểm soát, quốc tịch, thời hạn tạm nhập cảnh của phương tiện vận tải đường bộ nước ngoài vào Việt Nam;
- e) Các thông tin khác theo yêu cầu.

Điều 5. Thông tin trong lĩnh vực thuế

1. Thông tin về cơ chế, chính sách quản lý:

Thông tin về chính sách thuế, các văn bản hướng dẫn về thuế.

2. Thông tin về thực thi chính sách, pháp luật:

- a) Các thông tin định danh về người nộp thuế (mã số thuế, địa điểm đăng ký kê khai nộp thuế, ngành nghề kinh doanh, số điện thoại, người đại diện trước pháp luật, tài khoản tại Ngân hàng, kế toán trưởng, tình hình tài chính);
- b) Các thông tin vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế;

- c) Tổng doanh thu, giá trị nộp thuế, số lượng nhân lực, tổng số tiền lương của doanh nghiệp;
- d) Kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành;
- đ) Các thông tin khác theo yêu cầu.

Điều 6. Thông tin trong lĩnh vực giao thông vận tải

1. Thông tin về cơ chế, chính sách quản lý:
 - a) Văn bản, chính sách quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải;
 - b) Văn bản, chính sách về quản lý doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải;
 - c) Thông tin về các pháp luật quốc tế, thông lệ quốc tế trong vận chuyển, mua bán hàng hoá ngoại thương;
 - d) Tuyên đường quá cảnh, tuyên vận tải biển;
 - đ) Cơ chế, chính sách phát triển vận tải và các dịch vụ liên quan đến vận tải;
 - e) Khung giá cước, cước vận tải, xếp dỡ;
 - g) Thông tin về các dịch vụ vận tải được hoạt động độc quyền và những dịch vụ được Nhà nước trợ giá và giao cho doanh nghiệp thực hiện;
 - h) Thông tin về các cảng biển, cảng sông, cảng thuỷ nội địa, cảng hàng không quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế có hàng hoá xuất nhập khẩu.
2. Thông tin về thực thi chính sách, pháp luật:
 - a) Thông tin về doanh nghiệp có hoạt động giao nhận, vận tải quốc tế, dịch vụ đại lý thủ tục hải quan trực thuộc (Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, tình hình tài chính), trong đó chú trọng về các doanh nghiệp giao nhận, vận tải quốc tế, doanh nghiệp làm đại lý thủ tục hải quan, đại lý thuế;
 - b) Thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật phương tiện vận tải, hàng hoá thuộc ngành giao thông vận tải;
 - c) Loại, số hiệu, quốc tịch của phương tiện vận tải có hoạt động vận chuyển hàng hoá quốc tế do các doanh nghiệp của Việt Nam khai thác;
 - d) Thông tin về các doanh nghiệp được cấp phép vận tải đa phương thức, cấp phép bay;
 - đ) Danh sách doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài được cấp giấy phép vận tải liên vận quốc tế;
 - e) Tên, địa chỉ, con dấu, chữ ký của các tổ chức, cá nhân của Việt Nam và các nước có thẩm quyền cấp giấy phép vận tải liên vận quốc tế;
 - g) Kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành;
 - h) Các thông tin khác theo yêu cầu.

Điều 7. Thông tin trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Thông tin về cơ chế, chính sách quản lý:
 - a) Quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển vùng, miền, ngành;